

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 3922/QĐ-ĐHCT ngày 15 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Ngành: **Nông học** (Agronomy) Mã ngành: 7620109
Số lượng tín chỉ: 161 tín chỉ Thời gian đào tạo: 4,5 năm Loại văn bằng: Kỹ sư
Hình thức đào tạo: Chính quy, Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa
Phương thức tổ chức đào tạo: trực tiếp và trực tuyến
Đơn vị quản lý: Khoa Di truyền và Chọn giống Cây trồng, Trường Nông nghiệp

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình đào tạo ngành Nông học trình độ đại học nhằm đào tạo kỹ sư Nông học có kiến thức chuyên môn ở 3 lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trách nhiệm với xã hội. Kỹ sư Nông học thể hiện khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và sử dụng công nghệ thông tin để giải quyết những vấn đề phục vụ cho sự phát triển nông nghiệp bền vững. Người học tốt nghiệp ngành Nông học có kiến thức chuyên sâu về khoa học nông nghiệp; có tư duy nghiên cứu độc lập và khả năng thích ứng với sự thay đổi phục vụ mục tiêu học tập suốt đời. Kỹ sư Nông học có khả năng khởi nghiệp, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu hướng hội nhập quốc tế.

2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể (PEOs)

a. Kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khả năng sử dụng công nghệ thông tin và khả năng giao tiếp bằng Anh ngữ/Pháp ngữ thông dụng (PEO1)

b. Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực cây trồng, vật nuôi và thủy sản; khả năng vận dụng các kiến thức này vào việc xây dựng và quản lý các hệ thống trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản phục vụ cho sự phát triển nông nghiệp bền vững (PEO2)

c. Kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong công việc; có tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm và tin cậy trong công việc (PEO3)

d. Năng lực tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc đa dạng trong nông nghiệp (PEO4)

3. Chuẩn đầu ra (PLOs)

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Nông học trình độ đại học, người tốt nghiệp có khả năng:

3.1 Kiến thức

3.1.1 Khỏi kiến thức giáo dục đại cương

Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh trong cuộc sống. (PLO1)

3.1.2 Khỏi kiến thức cơ sở ngành

Nghiên cứu kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên liên quan đến lĩnh vực cây trồng, vật nuôi, thủy sản làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành. (PLO2)

3.1.3 Khô*h*i kiến thức chuyên ngành

a. Đề xuất mô hình sản xuất cây trồng, chăn nuôi, thủy sản ở qui mô trang trại và nông hộ. (PLO3)

b. Xây dựng các mô hình kết hợp cây trồng, vật nuôi và thủy sản. (PLO4)

3.2 Kỹ năng

3.2.1 Kỹ năng cứng

a. Giải quyết các vấn đề kỹ thuật liên quan đến sản xuất cây trồng, vật nuôi, thủy sản. (PLO5)

b. Kết hợp kỹ năng đánh giá chất lượng công việc, phản biện, tham gia quản lý và điều hành các vấn đề trong sản xuất nông nghiệp. (PLO6)

3.2.2 Kỹ năng mềm

Thích nghi với môi trường làm việc độc lập hoặc theo nhóm ở cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp trong và ngoài nước trong lĩnh vực liên quan đến trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. (PLO7)

3.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Thể hiện trách nhiệm công dân theo quy định pháp luật và trách nhiệm chuyên môn theo cơ quan chủ quản. (PLO8)

b. Thể hiện kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo để phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn ngành nông nghiệp. (PLO9)

c. Hình thành thói quen học tập suốt đời. (PLO10)

4. Vị trí việc làm của người tốt nghiệp

- Kỹ thuật viên/cán bộ kỹ thuật/quản lý tại các cơ quan Nông nghiệp Nhà nước: Sở (Phòng, Ban) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm (Trạm) Khuyến nông, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm (Trại) giống cây trồng (vật nuôi, thủy sản), Chi cục Bảo vệ thực vật (Thú y, Thủy sản, Phát triển nông thôn, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản).

- Nghiên cứu viên, chuyên viên tại các Viện nghiên cứu chuyên sâu, Trường Đại học về lĩnh vực nông nghiệp, các Cơ sở giáo dục đào tạo về nông nghiệp, Tổ chức/dự án hoạt động liên quan đến nông nghiệp.

- Giáo viên, giảng viên tại các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, cơ sở giáo dục và trung tâm đào tạo trong lĩnh vực nông nghiệp (có đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ sư phạm)

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Nông học của trường Đại học Cần Thơ có thể làm việc ở các doanh nghiệp trong và ngoài nước về giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản, về nông dược, về thức ăn gia súc và thủy sản.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có năng lực tự học, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu, có sáng tạo trong nghề nghiệp.

- Có khả năng thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu và học tiếp sau đại học các chuyên ngành Khoa học cây trồng, Di truyền và Chọn giống cây trồng, Bảo vệ thực vật, Khoa học đất, Công nghệ sinh học... tại các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.

6. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Chương trình đào tạo đại học ngành Nông học của Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM ([https://fa.hcmuaf.edu.vn/data/file/2021/CTDT/Khung%20CTDT%20NH%20\(2020\).pdf](https://fa.hcmuaf.edu.vn/data/file/2021/CTDT/Khung%20CTDT%20NH%20(2020).pdf)).

- Chương trình đào tạo đại học ngành Nông học của Trường Đại học Nông Lâm Huế (<https://huaf.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-nganh-nong-hoc/>).

- Chương trình đào tạo ngành Khoa học Nông nghiệp của Trường Đại học Queensland (Úc) (<https://www.uq.edu.au/study/docs/dual-degree-planners-2024/2024-Bachelors-of-Agribusiness-Agricultural-Science-2449.pdf>).

- Chương trình đào tạo ngành Khoa học Nông nghiệp của Trường Đại học Massey (New Zealand) (<https://www.massey.ac.nz/study/all-qualifications-and-degrees/bachelor-of-agricultural-science-UBAGS/>).

7. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bổ trí theo nhóm ngành	
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bổ trí theo nhóm ngành	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21	Bổ trí theo nhóm ngành	
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bổ trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4			60			
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60			
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			FL007
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008
18	CT003	Năng lực số ứng dụng (*)	1	1		15			
19	CT004	Thực hành Năng lực số ứng dụng (*)	2	2			60		CT003
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30			
26	ML007	Logic học đại cương	2			30			
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
28	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2		2	30			
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
31	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20		
32	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
33	TN009E	Toán cao cấp C	2	2		30			
34	TN019	Hóa học đại cương	3	3		45			
35	TN020	TT. Hóa học đại cương	1	1			30		TN019
36	TN042	Sinh học đại cương	2	2		30			
37	TN043	TT. Sinh học đại cương	1	1			30		TN042
Cộng: 48 TC (Bắt buộc 33 TC; Tự chọn: 15 TC)									
Khối kiến thức cơ sở ngành									
38	NN111ET	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Nông nghiệp	2	2		15	30		
39	NN126E	Di truyền học đại cương	2	2		30			
40	NN127	TT. Di truyền học đại cương	1	1			30		NN126E
41	NN129T	Sinh lý thực vật B	2	2		30			
42	NN130	TT. Sinh lý thực vật	1	1			30		NN129T
43	NN123	Sinh hóa B	2	2		30			
44	NN124	TT. Sinh hóa	1	1			30		NN123
45	NS381	Vi sinh vật trong nông nghiệp	2	2		20	20		
46	NN169T	Xác suất thống kê và phép thí nghiệm - TT&NH	3	3		30	30		
47	NN376	Dinh dưỡng cây trồng	2	2		20	20		
48	NN529T	Phì nhiều đất B	2	2		20	20		
49	TS117	Sinh lý động vật thủy sản B	2	2		20	20		
50	TS118	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản B	2	2		20	20		
51	NN136	Sinh lý và cơ thể gia súc	2	2		20	20		
52	NN353	Dinh dưỡng và thức ăn gia súc	2	2		20	20		
53	NS225E	Anh văn chuyên ngành Nông học	2		2	30		XH025	
54	XH019	Pháp văn chuyên môn - KH&CN	2			30		FL003	
55	PD315	Quản trị nông trại	2	2		25	10		
56	NN496E	Quản lý giống vật nuôi	2	2		30			
57	TS410	Quản lý chất lượng môi trường ao nuôi thủy sản	2	2		30			
58	NN131	Thỏ nhưỡng B	2			20	20		
59	CN004	Khí trọng thủy văn	2			20	20		
60	NN326E	Khuyến nông	2		4	20	20		
61	KT007E	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	2			30			
62	MT110E	Hệ sinh thái nông nghiệp	2			30			
Cộng: 40 TC (Bắt buộc 34 TC; Tự chọn: 6 TC)									
Khối kiến thức chuyên ngành									
63	NN373ET	Chọn giống cây trồng	2	2		20	20		
64	NN375E	Công nghệ sinh học trong nông nghiệp	2	2		20	20		
65	NS172	Sản xuất cây lúa	3	3		30	30		
66	NN359	Bệnh cây trồng	2	2		20	20		
67	NN374	Côn trùng nông nghiệp	2	2		20	20		
68	NN315	Di truyền quần thể - số lượng	2	2		20	20		
69	NS241	Công nghệ hạt giống	2	2		15	30		
70	NN371	Cây rau	2			20	20		
71	NN361	Cây ăn trái	2		2	20	20		
72	NN362	Cây công nghiệp dài ngày	2			20	20		
73	NN363E	Cây công nghiệp ngắn ngày	2			20	20		
74	NN444	Cỏ dại và cách phòng trừ	2			20	20		
75	NN143	Hóa bảo vệ thực vật B	2		2	20	20		
76	NN382	Nhân giống vô tính	2			20	20		
77	NN380E	Kỹ thuật sản xuất rau sạch	2			20	20		

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	
78	NN101	Chọn giống gia súc	2	2		20	20			
79	NN312E	Bệnh truyền nhiễm	2	2		20	20			
80	NN337	Chăn nuôi gia cầm B	2	2		20	20			
81	NS468	Chăn nuôi gia súc	3	3		45				
82	NS469	TT. Chăn nuôi gia súc	1	1			30			
83	NS283	Thực tập giáo trình - chăn nuôi	2	2			60			
84	NN320E	Xây dựng chuồng trại	2	2		20	20			
85	NN311	Bệnh ký sinh gia súc	2		4	20	20			
86	NN310	Chăn nuôi chó, mèo	2			20	20			
87	NN301E	Sản khoa và gieo tinh nhân tạo	2			20	20			
88	NN308	Chăn nuôi ong	2			20	20			
89	TS241	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt	2	2		30				
90	TS330	Thực tập giáo trình kỹ thuật thủy sản	4	4			120			
91	TS409	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	2	2		30				
92	TS310	Kỹ thuật nuôi cá cảnh và thủy đặc sản	2	2		30				
93	TS337	Dịch bệnh thủy sản	2	2		20	20			
94	TS335	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển	2		4	30				
95	TS315	Thuốc và hóa chất trong thủy sản	2			30				
96	TS313	Kỹ thuật nuôi động vật thân mềm	2			25	10			
97	NS439	Thực tập cơ sở - GCT	3	3			90			
98	NN548	Thực tập giáo trình Nông học	2	2			60			
99	NS521	Luận văn tốt nghiệp - NH	15		15		450	≥ 120 TC		
100	NS434	Tiểu luận tốt nghiệp - NH	6					180	≥ 120 TC	
101	NN368E	Kiểm định hạt giống	2			20	20			
102	TS413	Vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản	2			30				
103	NS270E	Quản lý dịch bệnh trên động vật và Một sức khỏe	2			30				
104	NS163	IPM và IPHM trong bảo vệ thực vật 2	3			30	30			
105	NN377E	Hệ thống canh tác	2			30				
106	TN340E	Nuôi cấy mô thực vật	2			20	20			
Cộng: 73 TC (Bắt buộc: 46 TC; Tự chọn: 27 TC)										
Tổng cộng: 161 TC (Bắt buộc: 113 TC; Tự chọn: 48 TC)										

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH**

**TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP
HIỆU TRƯỞNG**

Trần Trung Tính

Trần Ngọc Hải

Lê Văn Vàng